Số: 1181/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-10-21T16:35:39+07:00

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk

(Thực hiện theo Bản án hành chính số 107/2025/HC-ST, ngày 29/7/2025 của Tòa án Nhân Dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính số 31/2026/HC-PT, ngày 9/3/2026 của Tòa án Nhân Dân tối cao tại Đà Nẵng về việc kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hộ ông Nguyễn Văn Quang)

Kèm theo Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 21 /10/2026 của UBND xã Ea Ô

	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Tỷ lệ % còn lại	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Đơn giá	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THEO QUYẾT ĐỊNH 461/QĐ-UBND ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT**										
1	**Hộ ông: Nguyễn Văn Quang (vợ là: Đỗ Thị Ngà) Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**									**17.459.370**	
a	**Hỗ trợ về đất**									**17.459.370**	
1	Đất trồng cây hàng năm	Thửa 03/9	2009		m2	1.436,10	1.436,10	17.000	50%	12.206.850	
2	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 86/9	2009		m2	577,20	577,20	18.200	50%	5.252.520	
II	**THỰC HIỆN THEO BẢN ÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 461/QĐ-UBND KẾT QUẢ NHƯ SAU:**										
1	**Hộ ông: Nguyễn Văn Quang (vợ là: Đỗ Thị Ngà) Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, , tỉnh Đắk Lắk**									**24.783.480**	
a	**Hỗ trợ về đất**									**24.783.480**	
1	Đất trồng cây hàng năm	Thửa 03/9	T3/2004		m2	1.436,10	1.436,10	17.000	80%	19.530.960	
2	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 86/9	2005		m2	577,20	577,20	18.200	50%	5.252.520	

	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Tuổi cây theo đánh giá của Phòng NN&PTNT huyện Ea Kar	Chất lượng cây trồng	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Khối lượng chuẩn mật độ	Khối lượng vượt mật độ	Đơn giá	Tỷ lệ phần trăm còn lại (%)	Tỉ lệ hỗ trợ theo mật độ (%)	Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chính/cây trồng phụ (xen) (%)	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)
III	**BẢNG TỔNG HỢP THEO QUYẾT ĐỊNH ĐÃ PHÊ DUYỆT SỐ 49**															
1	**Hộ ông: Nguyễn Văn Quang (vợ là: Đỗ Thị Ngà) Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**														**0**	Tài sản tạo lập sau thông báo THĐ không BT, HT
a	**Hỗ trợ về đất**														**0**	
	Đất trồng cây hàng năm	Thửa 03/9	2009			m2	1.436,10	1.436,10								
	Đất trồng lúa một vụ	Thửa 86/9	2009			m2	577,20	577,20								

	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Tuổi cây theo đánh giá của Phòng NN&PTNT huyện Ea Kar	Chất lượng cây trồng	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Khối lượng chuẩn mật độ	Khối lượng vượt mật độ	Đơn giá	Tỷ lệ phần trăm còn lại (%)	Tỉ lệ hỗ trợ theo mật độ (%)	Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chính/cây trồng phụ (xen) (%)	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)
IV	**THỰC HIỆN THEO BẢN ÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 49/QĐ-UBND KẾT QUẢ NHƯ SAU:**															
1	**Hộ ông: Nguyễn Văn Quang (vợ là: Đỗ Thị Ngà) Địa chỉ thường trú: Thôn 12, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**															**0**
a	**Hỗ trợ về đất**														**0**	
	Đất trồng cây hàng năm	Thửa 03/9	T3/2004			m2	1.436,10	1.436,10								
	Đất trồng lúa một vụ	Thửa 86/9	2005			m2	577,20	577,20								

TT	Loại đất	Đơn vị	Diện tích
1	Đất trồng cây hàng năm	m2	1.436,1
2	Đất trồng lúa 1 vụ	m2	577,2
	Tổng diện tích thu hồi	**m2**	**2.013,3**

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số tiền
1	Hỗ trợ về đất	đồng	24.783.480
2	**Tổng số tiền hộ Nguyễn Văn Quang sau khi lập lại theo bản án**	**đồng**	**24.783.480**
3	**Số tiền đã phê duyệt tại QĐ 461**	**đồng**	**17.459.370**
4	**Số tiền đã phê duyệt tại QĐ 49**	**đồng**	**0**
5	**Số tiền chênh lệch**	**đồng**	**7.324.110**